

**TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 1690/2018/HNGĐ-ST
Ngày 30 tháng 11 năm 2018
V/v: “Ly hôn”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN 12
Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- *Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ma Văn Nhất.
- *Các Hội thẩm nhân dân:*
 - 1/ Bà Nguyễn Thị Mây- cán bộ hưu trí
 - 2/ Bà Nguyễn Thị Thúy Hoa- Hiệu trưởng trường mầm non Bé Ngoan
- *Thư ký phiên tòa:* Bà Nguyễn Thị Minh Thịnh - Cán bộ Tòa án.
- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:* Bà Trần Thị Lan- Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 11 năm 2018, tại phòng xử án Tòa án nhân dân Quận 12 đã xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số 1066/2018/TLST-HNGĐ, ngày 13/8/2018 về việc “ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 434/2018/QĐST-HNGĐ ngày 22 tháng 10 năm 2018; Quyết định hoãn phiên tòa số 358/2018/QĐHPT-ST ngày 12/11/2018 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* **Bà Phạm Thị L**, sinh năm: **1988**
Thường trú: Thôn 13, xã Ea K, Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk
Chỗ ở: số A, đường TX, tổ 19, khu phố 5, phường Thạnh X, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh – (có đơn xin vắng mặt).
- *Bị đơn:* **Ông Nguyễn Văn D**, sinh năm: 1986
Thường trú: Thôn 13, xã Ea K, Krông P, tỉnh Đắk Lắk
Chỗ ở: phòng trọ số 3, nhà trọ số A, đường TL 19, tổ 19, khu phố 3B, phường Thạnh L, Quận 12, TP.HCM (vắng mặt không có lý do).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn bà Phạm Thị L trình bày:

Tôi và ông Nguyễn Văn D tự nguyện đăng ký kết hôn vào năm 2009, Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Ea

Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/3/2009. Trong thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, về sau vợ chồng thường xuyên cãi vã nhau, bất đồng quan điểm sống, mâu thuẫn ngày càng tăng và không thể hàn gắn, tôi cảm thấy hai vợ chồng không thể nào hòa hợp chung sống với nhau được nữa. Nay, tôi yêu cầu Tòa án cho tôi được ly hôn với Ông Nguyễn Văn D .

Về con chung: có 02 con chung, trẻ Nguyễn Mạnh H , sinh ngày 04/12/2009 và Nguyễn An P sinh ngày 13/5/2017. Tôi yêu cầu trực tiếp nuôi con, yêu cầu ông D cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/2 con cho đến khi con chung trưởng thành.

Về tài sản chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Hai bên tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ cho bị đơn ông Nguyễn Văn D nhưng ông D vắng mặt không có lý do và cũng không gửi văn bản đến Tòa để thể hiện ý kiến của mình về yêu cầu xin ly hôn của bà L .

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân Quận 12 phát biểu: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa đã tuân thủ đúng các quy định của pháp luật trong quá trình giải quyết vụ án, các đương sự đã thực hiện các quyền, nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng. Về nội dung đề nghị chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

- Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:

Đây là vụ kiện ly hôn, ông Nguyễn Văn D là bị đơn và đang cư ngụ tại Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 36; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, vụ kiện thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tổng đạt hợp lệ quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa cho các đương sự theo quy định tại Điều 220; điểm b khoản 2 Điều 227; Điều 233 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 nhưng ông Nguyễn Văn D vắng mặt không lý do, bà Phạm Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đối với ông D và bà L .

- Về yêu cầu của các đương sự:

Căn cứ vào các lời khai của các đương sự; căn cứ vào các giấy tờ, tài liệu của đương sự cung cấp và Tòa án thu thập được có đủ cơ sở xác định:

Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn D đăng ký kết hôn vào năm 2009, Giấy chứng nhận kết hôn số 44, quyền số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Ea Kly, huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/3/2009, có cơ sở kết luận quan hệ hôn nhân bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn D là hôn nhân hợp pháp.

Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn D tự nguyện kết hôn. Trong thời gian chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do hai vợ chồng luôn bất đồng dẫn đến cãi và đánh nhau.

Bà Phạm Thị L yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Văn D do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn trầm trọng, không phù hợp quan điểm sống. Tại biên bản xác minh của Công an phường Thạnh L có ghi nhận “ông Nguyễn Văn D, hiện đang tạm trú tại phòng trọ số 3, nhà trọ số 58, đường TL 19, tổ 19, khu phố 3B, phường Thạnh L, Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh”. Tòa án đã triệu tập ông D nhiều lần, trong đó có biên bản tổng đạt trực tiếp ngày 10/9/2018, nhưng ông D vẫn không lên Tòa để trình bày ý kiến, ông D đã từ bỏ việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của mình. Theo quy định tại Điều 91; Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì những lời khai của bà L là chứng cứ.

Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân Quận 12 tiến hành xác minh. Tại kết quả xác minh của Hội phụ nữ phường Thạnh L xác định mâu thuẫn: “Qua xác minh, bà L và ông D đã ly thân từ năm 2017 cho đến nay”

Từ những tài liệu, chứng cứ trên có cơ sở để khẳng định mâu thuẫn vợ chồng giữa bà L và ông D là trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt. Do đó xét thấy yêu cầu của bà L là có cơ sở, nên chấp nhận.

Về con chung: có 02 con chung, trẻ Nguyễn Minh H, sinh ngày 04/12/2009 và Nguyễn An P sinh ngày 13/5/2017. Bà L đang trực tiếp chăm sóc 02 con và yêu cầu ông D cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/2con cho đến khi con chung trưởng thành. Tại bản tự khai của trẻ Nguyễn Minh H có nguyện vọng được sống với mẹ. Xét thấy yêu cầu cấp dưỡng và nuôi con là phù hợp, Hội đồng xét xử quyết định giao trẻ Nguyễn Mạnh H và Nguyễn An P cho bà Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/2con cho đến khi con chung đến tuổi trưởng thành.

- Về tài sản chung và nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 (ba trăm ngàn) đồng, bà Phạm Thị L phải chịu.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26; khoản 1 Điều 28; Điều 35; Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 53, 54, 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Căn cứ Luật thi hành án dân sự.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Bà Phạm Thị L được ly hôn đối với ông Nguyễn Văn D .

Giấy chứng kết hôn số 44, quyển số 01/2009 do Ủy ban nhân dân xã Ea K huyện Krông Pắc, tỉnh Đắk Lắk cấp ngày 13/3/2009 cấp cho bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn D không còn giá trị.

2/ Về con chung: có 02 con chung, trẻ Nguyễn Mạnh H , sinh ngày 04/12/2009 và Nguyễn An P sinh ngày 13/5/2017. Giao hai trẻ Nguyễn Mạnh H và Nguyễn An P cho bà Phạm Thị L trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng. Ông Nguyễn Văn D có nghĩa vụ cấp dưỡng 4.000.000 đồng/tháng/2con cho đến khi các con chung đến tuổi trưởng thành.

Vì lợi ích của con, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên, Tòa án có thể quyết định thay đổi người trực tiếp nuôi con hoặc mức đóng góp cho việc nuôi dưỡng, giáo dục con.

Người không trực tiếp nuôi con chung có quyền thăm nom con, không ai được cản trở người đó thực hiện quyền này

Kể từ ngày bà Phạm Thị L có đơn yêu cầu thi hành án, nếu ông Nguyễn Văn D không thực hiện việc cấp dưỡng nuôi con hàng tháng thì ông Nguyễn Văn D còn phải chịu thêm tiền lãi theo mức lãi suất cơ bản do Ngân hàng Nhà nước qui định tương ứng với số tiền và thời gian chưa thi hành án.

3/ Về tài sản chung, nợ chung: Do các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

4/ Án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng, bà Phạm Thị L phải chịu. Được cân trừ vào số tiền 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số AA/2018/002211 ngày 13/8/2018 của Chi cục thi hành án dân sự Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L đã nộp đủ án phí.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện

thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5/ Bà Phạm Thị L và ông Nguyễn Văn D vắng mặt được quyền kháng cáo trong hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND TP.HCM
- VKSND Quận 12;
- UBND xã Ea Kly;
- Chi cục THA Dân sự Quận 12;
- Các đương sự;
- Lưu VP, HS.

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Ma Văn Nhất